BỘ NỘI VỤ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH VÀ CẤP CHỨNG CHỈ CHƯƠNG TRÌNH "BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH"
Học tại tỉnh Gia Lai, từ ngày 16/4/2022 đến ngày 31/05/2022. Mã số: 03/2022CVCQN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1357/QĐ-ĐHNV ngày 24 tháng 06 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
1	Tạ Thị Ngọc	Ánh	05/7/1991	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.0	8.0	8.5	**8.2**	**Khá**
2	Đỗ Thị Kim	Bằng	01/01/1987	Huyện đoàn Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	8.5	8.5	8.0	**8.3**	**Khá**
3	Lê Quang	Bảo	26/07/1983	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**
4	Đào Thị Kim	Chi	21/7/1984	Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên	6.5	7.0	8.5	**7.3**	**Khá**
5	Phạm Thị	Chinh	26/11/1985	Ban Tổ chức Huyện ủy Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	7.5	8.0	7.5	**7.7**	**Khá**
6	Nguyễn Thị Thảo	Diệu	07/02/1987	Sở Y tế tỉnh Gia Lai	8.5	9.0	8.0	**8.5**	**Khá**
7	Vũ Văn	Định	06/07/1989	Chi cục Thuế khu vực Gia Nghĩa - Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	8.0	8.0	8.5	**8.2**	**Khá**

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
8	Nguyễn Hồng	Duy	15/10/1983	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	7.0	7.0	8.0	**7.3**	**Khá**
9	Dương Thị Thanh	Duyên	23/5/1988	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.0	9.0	9.0	**8.7**	**Khá**
10	Lê Thị Thu	Hà	02/3/1988	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai	9.0	8.5	8.5	**8.7**	**Khá**
11	Nguyễn Văn	Hải	20/02/1971	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	6.5	7.5	8.0	**7.3**	**Khá**
12	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	18/02/1987	Chi cục thuế khu vực Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	9.0	8.5	7.0	**8.2**	**Khá**
13	Lê Quang	Hảo	15/8/1981	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam	7.0	7.0	8.5	**7.5**	**Khá**
14	Cái Thị Ngọc	Hậu	21/9/1988	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.0	8.5	8.0	**8.2**	**Khá**
15	Nguyễn Trung	Hiếu	11/5/1986	Văn phòng HĐND và UBND huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	8.0	8.5	8.0	**8.2**	**Khá**
16	Lê Từ	Hòa	11/11/1977	UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	8.5	8.0	7.5	**8.0**	**Khá**
17	Trần Thị	Hồng	20/5/1987	Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai	7.5	8.0	8.0	**7.8**	**Khá**
18	Nguyễn Phi	Hồng	16/02/1980	Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**
19	Nguyễn Nữ Ánh	Hồng	03/01/1988	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	7.5	8.5	8.5	**8.2**	**Khá**

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
20	Trần Anh	Hùng	06/01/1980	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	8.5	8.0	8.5	**8.3**	**Khá**
21	Phan Văn	Hùng	12/8/1978	Đảng ủy xã Ea Tar, huyện Cư M'Gar, Đắk Lắk	7.0	7.5	8.0	**7.5**	**Khá**
22	Ngô Thị	Hương	22/06/1975	Chi cục Thuế khu vực Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	8.0	8.0	7.5	**7.8**	**Khá**
23	Bùi Thị	Lệ	13/02/1988	Văn phòng Huyện ủy Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	7.5	8.0	8.0	**7.8**	**Khá**
24	Huỳnh Thị Mỹ	Liên	21/10/1979	UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	8.0	9.0	8.5	**8.5**	**Khá**
25	Nguyễn Thị Bích	Liên	19/5/1976	Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam	7.5	7.0	7.0	**7.2**	**Khá**
26	Hồ Thị Mỹ	Linh	01/08/1986	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	7.0	7.5	8.5	**7.7**	**Khá**
27	Trần Duy	Long	30/4/1989	UBND xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.	5.5	6.5	8.0	**6.7**	**Trung Bình**
28	Lê Thị	Luyến	01/6/1975	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	8.0	8.5	8.5	**8.3**	**Khá**
29	Mai Thị Tuyết	Ly	11/10/1990	Chi cục Thuế khu Vực Gia Nghĩa - Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	7.5	8.0	7.0	**7.5**	**Khá**
30	Nguyễn Thị Ái	Nguyên	22/6/1985	Sở Tài chính tỉnh Gia Lai	9.0	7.0	8.5	**8.2**	**Khá**
31	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	10/08/1984	Phòng Thanh tra công an tỉnh Đắk Nông	7.0	8.0	8.5	**7.8**	**Khá**

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
32	Nguyễn	Phú	20/8/1979	Ban Dân tộc, Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai	7.0	7.5	8.5	**7.7**	**Khá**
33	Hồ Văn	Phúc	24/8/1982	Ban Tổ chức Huyện ủy Chư Prông, tỉnh Gia Lai	9.0	9.0	8.0	**8.7**	**Khá**
34	Phạm Thị Ánh	Phượng	03/11/1981	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**
35	Huỳnh Hưng	Quang	07/5/1979	UBND xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	8.0	8.0	7.5	**7.8**	**Khá**
36	Phạm	Quý	27/9/1984	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.0	8.0	8.5	**8.2**	**Khá**
37	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/3/1973	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum	8.0	8.0	9.0	**8.3**	**Khá**
38	Đặng Ngọc	Sang	10/02/1983	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	7.5	7.5	9.0	**8.0**	**Khá**
39	Nông Trương Ngọc	Sơn	14/02/1985	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	8.5	8.5	8.0	**8.3**	**Khá**
40	Lê Hồng	Sơn	13/02/1978	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước	7.0	7.5	9.0	**7.8**	**Khá**
41	Trần Thị Thu	Sương	31/8/1988	Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**
42	Nguyễn Thị Minh	Thi	02/02/1983	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	7.0	7.0	7.5	**7.2**	**Khá**
43	Nguyên Hữu	Thuận	31/10/1978	Phòng Tư pháp huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	9.0	9.0	8.5	**8.8**	**Khá**

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
44	Trần Thị Thu	Thủy	30/4/1981	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đắk Nông	7.5	9.0	9.0	**8.5**	**Khá**
45	Phạm Quý	Tín	18/7/1970	Ban Tổ chức Huyện ủy Chư Prông, tỉnh Gia Lai	7.0	8.0	8.5	**7.8**	**Khá**
46	Lê Văn	Toàn	10/03/1986	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	7.0	8.0	7.0	**7.3**	**Khá**
47	Trương Thị Huyền	Trang	02/11/1972	UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	8.5	9.0	8.0	**8.5**	**Khá**
48	Cao Thị Thiên	Trang	01/5/1996	UBND xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.	6.0	7.0	8.0	**7.0**	**Khá**
49	Cao Thị Kim	Trúc	23/7/1986	Văn phòng Huyện ủy Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	7.0	7.5	8.5	**7.7**	**Khá**
50	Hồ Siu	Trung	10/8/1990	Văn phòng Huyện ủy Chư Prông, tỉnh Gia Lai	7.5	8.0	8.5	**8.0**	**Khá**
51	Nguyễn Thứ	Trưởng	04/12/1976	Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai	8.0	9.0	8.5	**8.5**	**Khá**
52	Lê Tuấn	Tú	06/12/1978	Cục Thuế tỉnh Gia Lai	8.5	8.5	8.5	**8.5**	**Khá**
53	Lê Minh	Tú	03/01/1983	Văn phòng UBND tỉnh Gia Lai	8.0	8.5	8.0	**8.2**	**Khá**
54	Lê Hữu Anh	Tuân	16/11/1984	Chi cục Dự trữ Nhà nước Gia Lai	7.5	7.5	8.0	**7.7**	**Khá**
55	Trần Phan Anh	Tuấn	01/05/1982	Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đơn vị công tác	Kết quả học tập			Điểm TB khóa học	Xếp loại
					Học phần I	Học phần II	Tiểu luận		
56	Phan Vĩnh	Tùng	18/02/1977	UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	8.5	8.0	8.0	**8.2**	**Khá**
57	Mai Hà	Tuyên	12/12/1986	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.5	8.0	7.5	**8.0**	**Khá**
58	Lê Thị Hồng	Tuyết	20/3/1994	UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	8.5	7.5	8.0	**8.0**	**Khá**
59	Nguyễn Thị Bích	Vĩnh	26/01/1985	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đắk Nông	7.5	7.0	8.0	**7.5**	**Khá**
60	Phạm Thị Minh	Xuân	12/3/1987	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**Khá**

Tổng số: 60 học viên./.

KT. GIÁM ĐỐC PHQN PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐTĐH PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đình Chín	**ThS. Nguyễn Xuân Kiểm**	**PGS.TS Nguyễn Quốc Sửu**